TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **201**/2019/HC-PT
Ngày: 01-11-2019

V/v: "Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Bà **Lê Thúy Cầu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Hải Tuấn -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 39/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1381/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Phạm Thị Y, sinh năm: 1929.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Y:* Anh Lê Duy N, sinh năm: 1972, địa chỉ: Tổ 1a, khu vực 1, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.
2. UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Hoàng N - Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND phường Đ, Q, Bình Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt Q - Chủ tịch UBND phường Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn S - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phan Tiến D - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị C, sinh năm: 1959. Có mặt.

4. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1963. Có mặt.

5. Bà Lê Thị D, sinh năm: 1969. Vắng mặt.

6. Ông Lê Thăng L, sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 1a, khu vực 1, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà B, bà D, ông L: Ông Lê Duy N, sinh năm: 1972, địa chỉ: Tổ 1a, khu vực 1, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

7. Ông Lê Duy N, sinh năm: 1972

8. Ông Lê Ái N1, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Tổ 1a, khu vực 1, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Đều có mặt.

- Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hành chính sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Lê Duy N trình bày:

- Nguồn gốc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 59 với diện tích 330,7 m^2 và là của cha mẹ anh là bà Phạm Thị Y và ông Lê Tuấn B khai phá chân núi làm nhà ở từ năm 1965 đến năm 1975 và đóng thuế cho nhà nước đầy đủ.

Năm 1993 UBND phường Đ đo đạt là 222m^2, sau năm 1993 cha mẹ anh khai phá thêm 99,8m^2, tổng cộng là 321,8m^2. Năm 1997 UBND phường Đ đo đạt lập bản đồ với diện tích 321,8m^2, mẹ anh là bà Phạm Thị Y đã có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND phường Đ xác nhận là đất ở ổn định, không ai tranh chấp, không ai khiếu nại. Đến năm 2013 có quy hoạch dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q.

Cha mẹ anh là bà Phạm Thị Y và ông Lê Tuấn B có 10 người con, trong đó có 4 người con đã cắt khẩu sinh sống nơi khác, còn lại 06 người con vẫn sống chung với cha mẹ anh và đã tách hộ nhưng vẫn sống trên mảnh đó. Cho nên thửa đất trên là tài sản chung của gia đình hộ bà Y, Tuy nhiên UBND thành phố lại ban hành Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 về việc thu hồi đất của gia đình bà Y; xác định chỉ có 80m^2 đất ở, số diện tích còn lại không xác định diện tích đất ở mà xác định 142m^2 đất vườn; 99,8m^2 đất lâm nghiệp là không đúng.

- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59 với diện tích 134,2 m^2, cha mẹ anh Nhàn khai phá đất núi tạo lập từ năm 1980 sử dụng mục đích trồng hoa bán tết đến năm 1996, đến năm 1996 cha anh mất, mẹ anh xây dựng chuồng heo, sau đó con của bà Y là anh Lê Ái N1 sử dụng trồng cây kiển bonsai bán tết từ đó đến này không ai tranh chấp, theo sơ đồ kỹ thuật diện tích 134,2m^2.

Ngày 02/3/2016 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1129/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 10 của bà Phạm Thị Y, thửa đất này cũng là tài sản chung của gia đình và hiện trạng sử dụng là đất nông nghiệp, nhưng UBND lại bồi thường đất lâm nghiệp.

Đồng thời sau khi thu hồi đất và tiến hành bồi thường thì UBND đã bồi thường không thỏa đáng và không đúng với quy định. Việc ban hành các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; thu hồi đất và giải quyết khiếu nại là không đúng cho nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Y do GPMB để thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ (thửa đất số 7 tờ bản đồ 59); Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ (Đợt 2: đất đai nhà của, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác); Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND Tp.Q về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Y do GPMB để thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q (thửa đất số 10 tờ bản đồ 59); Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND Tp.Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ để

GPMB xây dựng công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q. Đợt 4: Bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, cây trồng, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ khác; Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch UBND Tp.Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Y; Quyết định số 9606/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND Tp.Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y để GPMB thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q; Quyết định số 9608/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y để GPMB thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q; đồng thời Đồng thời buộc UBND thành phố Q lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Bồi thường đất ở đối với thửa đất số 07 tờ bản đồ số 59, diện tích 330,7m^2; bồi thường đất nông nghiệp đối với thửa đất số 10 tờ bản đồ số 59, diện tích 134,2m^2; bồi thường nhà ở, tài sản gắn liền với đất với giá trị 100% tại thời điểm có quyết định thu hồi; bồi thường khoản hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ thuê nhà.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, bà Phạm Thị Y còn cung cấp cho Tòa một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà Y không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

2. *Người bị kiện:*

UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định: Đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị Y tại tổ 1A, khu vực 1, phường Đ: Hộ bà Phạm Thị Y có nhà và đất bị ảnh hưởng dự án Hạ tầng kỹ thuật (HTKT) khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q. Diện tích đất bị ảnh hưởng gồm 02 thửa: Thửa số 07, tờ bản đồ số 59 với diện tích tích 330,7m^2 và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59 với diện tích 134,2m^2.

Theo xác nhận của UBND phường Đ:

"… thửa đất số 7, tờ bản đồ số 59, theo bản đồ đo đạc năm 1997 diện tích 321,8 m^2, theo bản đồ đo đạc năm 2013 có diện tích 330,7 m^2. Đất hoang, vợ chồng bà Phạm Thị Y khai phá sử dụng và xây dựng nhà ở trước ngày 15/10/1993 với diện tích 222,0m^2 (loại đất không giấy tờ, có đơn xin cấp GCNQSD đất được UBND phường Đ xác nhận ngày 18/10/2006). Sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 khai phá thêm 99,8m^2 đất núi sử dụng. Sau ngày 01/7/2004, bà Yến lấn chiếm thêm 8,9 m^2 đất núi để sử dụng;

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59 diện tích 134,2 m^2, đất trống. Nguồn gốc đất núi, vợ chồng bà Phạm Thị Y khai hoang sử dụng trước ngày 15/10/1993 (loại đất không giấy tờ) với diện tích 44,0m^2. Sau năm 1997 bà Y cơi nới thêm 90,20m^2, bà Y dựng chuồng nuôi heo sử dụng trước ngày 01/7/2004".

- Về chính sách bồi thường, hỗ trợ: Công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q thực hiện theo Văn bản số 2932/UBND-KTN ngày 11/7/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về đất đai "Đối với quy định về bồi thường, GPMB và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tiếp tục thực hiện theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh". Việc bồi thường về đất được thực hiện trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ.

a. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 07 tờ bản đồ số 59, diện tích 330,7m^2. Được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 và thu hồi đất tại Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014. Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ và căn cứ vào chính sách hiện hành của Nhà nước tại Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định được áp dụng như sau:

- Về bồi thường đất ở: Áp dụng điểm 5 Điều 10 "Thửa đất có nhà ở hình thành trước ngày 01/7/2004 nhưng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, được UBND phường xác nhận là đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp thì được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở đối với phần diện tích đất thực tế đang sử dụng bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở". Hạn mức đất ở phường Đ là 80m^2 (Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 25/04/2009 của UBND tỉnh Bình Định).

- Về bồi thường nhà cửa và vật kiến trúc: Áp dụng Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định. Đối với phần diện tích xây dựng nhà trên đất không đủ điều kiện bồi thường đất ở (Phần xây dựng này vượt 80m^2 so với hạn mức giao đất ở) trước ngày 01/7/2004 thì không được bồi thường, chỉ xem xét hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá trị bồi thường về nhà, cụ thể: Hỗ trợ 80% đối với nhà và công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường đất ở, đất xây dựng công trình, tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình (áp dụng điểm a khoản 3 Điều 19 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh). Đơn giá bồi thường thực hiện theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh.

- Về các khoản hỗ trợ như: hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ tiền thuê nhà: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 7 Điều 25 và điểm c khoản 1 Điều 29 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

- Về tái định cư: Hộ bà Y được giao 01 lô đất tái định cư, lô số 18, diện tích 80m^2 (5m x 16m), khu B, đường số 6, lộ giới đường 18m. Thu tiền sử dụng đất ở tái định cư theo khoản 1 Điều 31 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định và hộ được xét bán 01 lô đất tái định cư, lô số 11, diện tích 60m^2 (4m x 15m), khu E, đường số 2, lộ giới đường 12m.

b. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 10 tờ bản đồ số 59, diện tích 134,2m^2. Được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 và thu hồi đất tại Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ và thực hiện Văn bản số 5868/UBND-TH ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q. Theo đó, đồng ý chủ trương thực hiện việc bồi thường, GPMB giai đoạn còn lại của công trình, UBND thành phố được áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 và áp dụng giá đất tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định được áp dụng như sau:

- Về bồi thường đất ngông nghiệp: Áp dụng Điều 8 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định. Đơn giá bồi thường áp dụng Bảng giá số 6, Phần I, mục 3, Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh: "Giá đất lâm nghiệp thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường thuộc TP. Q được xác định bằng 02 lần mức giá đất rừng sản xuất nhóm 1 (vị trí 1) tại điểm a Bảng giá số 3": 6.500 đ/m^2 x 2 = 13.000 đ/m$^{2.}$

- Về Hỗ trợ về đất nông nghiệp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 12 của Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh quy định: Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 20% giá đất ở liền kề đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là đất trồng rừng sản xuất. Đơn giá hỗ trợ căn cứ theo biên bản hiện trường ngày 02/01/2015 của Tổ công tác về việc thống nhất chọn các vị trí để tính giá đất ở liền kề phục vụ cho việc áp giá bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án, giá đất trung bình cộng: 1.240.000 * 20% = 248.000 đồng/m^2.

Tổng giá trị bồi thường hỗ trợ đất của hộ bà Y đối với 02 thửa đất trên là: 653.027.202 đồng.

- Sau khi UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, Trung tâm có Thông báo số 157/TB-TTPTQĐ ngày 30/9/2014 và Thông báo số 86/TB-TTPTQĐ ngày 04/3/2016 về việc Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q. Sau khi nhận được Thông báo, hộ bà Phạm Thị Y không đăng ký nhận tiền bồi thường và có đơn khiếu nại. Việc khiếu nại của bà Y đã được UBND thành phố Q giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh và báo cáo cho UBND thành phố xem xét giải quyết. Trên cơ sở xác minh và kiến nghị của Thanh tra thành phố, UBND thành phố đã tổ chức đối thoại và giải quyết khiếu nại đúng theo quy định. Ngày 17/01/2017 UBND thành phố Ban hành Quyết định số 231/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Phạm Thị Y với nội dung không công nhận nội dung đơn của bà Phạn Thị Yến khiếu nại, yêu cầu cấp cho 06 người con của bà mỗi người 01 lô đất tái định cư để xây dựng nhà ở do bị ảnh hưởng dự án hạ tần kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q. Vì việc bồi thường, hỗ trợ về đất và xét giao đất cho hộ bà Y là đúng theo quy định của pháp luật.

- Qua đó, Trung tâm đã nhiều lần phối hợp với UBND phường Đ mời hộ bà Phạm Thị Y làm việc để vận động nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nhận đất tái định cư nhưng đến nay hộ bà Y vẫn chưa thống nhất. Ngày 11/8/2017, Trung tâm có báo cáo số 105/BC-TTPTQĐ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân do GPMB để thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q (trong đó có hộ bà Phạm Thị Y).

- Ngày 15/8/2017, UBND thành phố có Văn bản số 2861/UBND-ĐT về việc lập thủ tục ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q (trong đó có hộ bà Phạm Thị Y).

- Ngày 12/12/2017, UBND thành phố Ban hành Quyết định số 9606/QĐ-UBND và Quyết định số 9608/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y để GPMB thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, thành phố Q.

Do đó, việc ban hành các Quyết định 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Y do GPMB để thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ (thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59); Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng công trình HTKT khu dân cư khu

vực 1, phường Đ (Đợt 2: đất đai nhà của, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác); Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND Tp.Q về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Y do GPMB để thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q (thửa đất số 10 tờ bản đồ 59); Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND Tp.Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ để GPMB xây dựng công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q. Đợt 4: Bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, cây trồng, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ khác; Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch UBND Tp.Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Y; Quyết định số 9606/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND Tp.Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y để GPMB thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q; Quyết định số 9608/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y để GPMB thực hiện công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, Tp.Q, tỉnh Bình Định của UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q là hoàn toàn phù hợp và đúng với quy định của pháp luật, cho nên UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q: Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phan Tiến D - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Thống nhất như phần trình bày của UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q, ngoài ra Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q không có ý kiến hay trình bày nào khác.

3.2. UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định: Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt Q - Chủ tịch UBND phường Đ trình bày:

Thống nhất như phần trình bày của UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q, ngoài ra UBND phường Đ không có ý kiến hay trình bày nào khác.

3.3. Bà Lê Thị C, bà Lê Thị B, bà Lê Thị D, ông Lê Thăng L thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bà Y, ngoài ra bà C, bà B, bà D, ông L không có trình bày hay yêu cầu nào khác.

Từ những nội dung đã xác định nêu trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật tổ chức chính quyền địa phương 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày .15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 50/2012/QĐ-UBNĐ ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 25/4/2009 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND thành phố Q;
Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND thành phố Q;
Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thành phố Q; Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thành phố Q; Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 9606/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố

Q; Quyết định số 9608/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và yêu cầu buộc UBND thành phố Q lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bồi thường đất ở với thửa đất số 07 tờ bản đồ số 59, diện tích 330,7m^2 và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 59, diện tích 134,2m^2 bồi thường nhà ở, tài sản gắn liền với đất giá trị 100% tại thời điểm có quyết định thu hồi; bồi thường khoản hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ thuê nhà cho bà Phạm Thị Y.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15-11-2018, người khởi kiện bà Phạm Thị Y có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Ngày 29-11-2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Duy N đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Phạm Thị Y giữ nguyên kháng cáo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bà Y trình bày cho rằng: 07 Quyết định hành chính của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định, gồm:

1. Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND thành phố Q

2. Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q

3. Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thành phố Q

4. Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của UBND thành phố Q

5. Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q

6. Quyết định số 9606/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thành phố Ban hành và về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y

7. Quyết định số 9608/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thành phố Ban hành và về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y.

Ban hành không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Y và các thành viên khác đang chung sống trong hộ gia đình bà Y. Lý do kháng cáo, các quyết định nói trên ban hành không đúng trình tự, thủ

tục, áp dụng pháp luật về thu hồi đất, xác định loại đất, diện tích đất, thời gian sử dụng, kiểm kê và áp giá đền bù, đối tượng sử dụng đất là tài sản chung của hộ gia đình nhưng nhà nước thu hồi của bà Phạm Thị Y là không đúng các quy định của pháp luật hiện hành, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích và đời sống của bà Y cũng như các thành viên trong hộ gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy toàn bộ các quyết định hành chính nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, việc áp dụng pháp luật trong các quyết định hành chính của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q, Kiểm sát viên cho rằng UBND TP Q đã áp dụng pháp luật không đúng, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực, trên đất có 04 hộ gia đình có hộ khẩu, nhà ở tách biệt nhưng chỉ thu hồi, bồi thường cho mỗi bà Y làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y, hủy toàn bộ các Quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và cưỡng chế đối với gia đình bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xem xét kháng cáo của người khởi kiện Phạm Thị Y và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc 02 thửa đất bị thu hồi:

- Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 59, hiện trạng có diện tích 330,7 m^2 tại khu vực 1 phường Đ, thành phố Q là do vợ chồng ông Lê Tuấn B và bà Phạm Thị Y khai hoang, canh tác sử dụng và làm nhà ở từ trước năm 1975. Năm 1975 ông B đã đóng thuế thổ trạch, năm 1978 ông B đã kê khai đăng ký nhà ở có xác nhận của UBND phường Đ. Ngày 11/11/1993 Đoàn kiểm tra Thuế cùng UBND phường Đ đã đo đạc xác định đất ở của gia đình ông B, bà Y là 222m^2, sau năm 1993 bà Y đã canh phá thêm một số diện tích ngày 01/11/2006 UBND phường Đ đã ký xác nhận diện tích theo Đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ của bà Y có diện tích 321m^2 (BL: từ 87 đến 93). Năm 2013 theo HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT có diện tích là

330.7 m^2 (BL: 85). Quá trình sử dụng đất ông B mất năm 1996, bà Y đã đăng ký kê khai nhà đất theo đúng quy định của pháp luật. Đất đai không có tranh chấp, có tên trong sổ địa chính đã đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 49 Luật đất đai năm 2003 Như vậy, việc sử dụng nhà đất của hộ gia đình bà Y là hợp pháp. Việc chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là trách nhiệm của UBND các cấp, không thể cho rằng thửa đất nói trên không có giấy tờ hoặc gia đình bà Y có "hành vi lấn chiếm" là không có cơ sở. UBND thành phố Q xác định đất thu hồi là đất không có giấy tờ là không đúng theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013.

Đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59 diện tích hiện trạng 134,2 m^2 cũng do ông B bà Y khai phá sử dụng từ trước năm 1980, không có nhà ở, chỉ sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Quá trình sử dụng cũng đã đăng ký kê khai đầy đủ, sử dụng liên tục, không có tranh chấp, các thành viên trong gia đình đều có tham gia sử dụng và đã đăng ký, kê khai theo quy định. Do vậy, cũng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình bà Y theo các quy định đã viện dẫn nêu trên.

Sau khi ông Lê Tuấn B mất thì phần di sản ông B để lại là di sản thừa kế hoặc tài sản chung của bà Y và các con của ông B bà Y, trong gia đình đã tự phân chia cho các người con là bà các bà Lê Thị C, Lê Thị B, Lê Thăng L làm nhà ở trên thửa đất của ông B, bà Y là hợp pháp.

[2]. Xem xét các quyết định hành chính của UBND thành phố Q:

- Đối với Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 và Quyết định số: 5085/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 (Điều chỉnh Quyết định 6923/QĐ-UBND, đây là Quyết định hành chính có liên quan) của UBND thành phố Q về việc thu hồi thửa đất số 7, tờ bản đồ số 59, diện tích 321,80m^2 của bà Phạm Thị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hồ sơ đo đạc năm 2013 của UBND phường Đ đo đạc hiện trạng thì diện tích thửa đất là 330,7 m^2. Nhưng tại Quyết định thu hồi diện tích chỉ có 321,8 m^2 là không đúng với hiện trạng thửa đất bị thu hồi.

Theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013, đối với diện tích đất có nhà ở hình thành từ trước năm 1980 trở về trước thì đều xác định là đất ở. Nhưng tại Quyết định thu hồi đất 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 và Quyết định số 5085/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 phân ra 80 m^2 đất ở, 142 m^2 đất vườn và 99,8 m^2 đất lâm nghiệp là không đúng. Căn cứ quá trình canh tác, sử dụng làm nhà ở và đăng ký đất đai thì trường hợp của bà Y cần xác định tối thiểu là có 222 m^2 đất ở mới phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thành phố Q về việc thu hồi 134,20m^2 của bà Phạm Thị Y ngoài việc áp dụng không đúng pháp luật, tại Điều 1 của quyết định nói trên ghi "Thu hồi 134,20m^2 đất ở đô thị…" nhưng tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND cùng ngày và tại Bản tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ (BL 288) lại bồi thường theo giá "Đất lâm nghiệp" là mâu thuẫn.

Đối với Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng công trình HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Đ, khi thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thì Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực thi hành, đồng thời các Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai cũng đã có hiệu lực pháp luật nhưng UBND thành phố Q áp dụng Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định ban hành dựa trên các quy định của Luật đất đai năm 2003 là áp dụng pháp luật không đúng như Kiểm sát viên đã phân tích.

Mặc khác, khi đo đạc kiểm đếm trên thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 thì có 04 gia đình có nhà cửa độc lập tách biệt trên thửa đất (BBL: 285,286) trong đó có ½ diện tích đất là di sản thừa kế của ông B, nhưng UBND thành phố Q chỉ lập hồ sơ thu hồi một mình bà Phạm Thị Y là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ bà Lê Thị C, Lê Thị B, Lê Thăng L.

UBND thành phố Q cho rằng chưa có Thông tư hướng dẫn Luật đất đai năm 2013 nên áp dụng Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định để làm căn cứ pháp lý trong việc thu hồi đất, và bồi thường, hỗ trợ là không đúng pháp luật.

Từ những phân tích nên trên cho thấy về nội dung Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014, Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 đều áp dụng không đúng pháp luật, thu hồi đất không đúng diện tích (đối với thửa số 07 tờ bản đồ số 59) trên đất có tài sản, thuộc quyền sử dụng của nhiều người nhưng thu hồi đối với một người, xác định loại đất không đúng theo quy định của pháp luật. Từ đó dẫn đến các quyết định Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (đối với thửa đất số 07), Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (đối với thửa số 10) đều thực hiện theo các nội dung của các quyết định thu hồi đất nêu trên nên đều áp dụng pháp luật không đúng.

Từ đó, Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại không chấp nhận việc khiếu nại của bà Phạm Thị Y là không đúng. Trên cơ sở các quyết định hành chính nói trên, sau đó Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành 02 quyết định cưỡng chế số 9606/QĐ-UBND, 9608/QĐ-UBND cùng ngày 12/12/2017 là chưa có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Phạm Thị Y và một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ 08 Quyết định hành chính của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q, liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải quyết khiếu nại và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q đối với bà Phạm Thị Y.

Buộc UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q thực hiện lại các trình tự, thủ tục thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ cho và Yến và các thành viên có liên quan quyền sử dụng đất, tài sản trên đất đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 59, diện tích 321,80m^2 và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59 diện tích hiện trạng 134,2 m^2 của gia đình ông Lê Tuấn B, bà Phạm Thị Y theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Bà Phạm Thị Y không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện cưa bà Y nên sửa phần án phí hành chính sơ thẩm, UBND thành phố Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 241, 242 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Y, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm

Áp dụng các Điều 74, 75, 79, 89 Luật đất đai năm 2013, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Xử hủy các quyết định liên quan đến bà Phạm Thị Y:

1. Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND thành phố Q và Quyết định số: 5085QĐ-UBND ngày 10/8/2016(Điều chỉnh Quyết định 6923/QĐ-UBND)

2. Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND Tp.Q

3. Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thành phố Q

4. Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của UBND thành phố Q

5. Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q

6. Quyết định số 9606/QĐ-UBND ngày 12/12/2017của UBND thành phố Ban hành và về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y

7. Quyết định số 9608/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thành phố Ban hành và về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Thị Y.

Buộc UBND thành phố Q ban hành lại các quyết định hành chính liên quan việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 59 diện tích 330,7 m^2 và thửa số 10, tờ bản đồ số 59 diện tích 134,20 m^2 cho bà Phạm Thị Y và các con của ông B, bà Y theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 32, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND thành phố Q phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai số 0009467 ngày 15/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định cho bà Y (Như án sơ thẩm đã tuyên xử)

Về án phí phúc thẩm: Bà Y là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND tỉnh Binh Định;*
- *Cục THADS tỉnh Bình Định;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA, P.HCTP, LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi